

**CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SAO VIỆT ITR**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SAO VIỆT ITR

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108436680

**3. Ngày thành lập:** 19/09/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 28, ngách 360/5 đường La Thành, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936835658

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4690     |
| 2.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)<br>- Bán buôn cao su<br>- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép<br>- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại<br>- Bán buôn bột giấy;<br>- Bán buôn đá quý                                                | 4669     |
| 3.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4101     |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>- Gửi hàng;<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;<br>- Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa. | 5229     |
| 5.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>- Bán buôn quặng kim loại<br>- Bán buôn vàng, bạc dạng bột, vảy, thanh, thỏi...;<br>- Bán buôn kim loại quý khác.                                                                                                                                                                               | 4662     |
| 6.  | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 0150     |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 0161     |
| 8.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>- Tư vấn đấu thầu (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).                                                                                                                                                                                                                   | 7110     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên<br>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên<br>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ<br>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                       | 7211        |
| 10. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>- Hoạt động phiên dịch;<br>- Tư vấn về nông học;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7490        |
| 11. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 0810        |
| 12. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4330        |
| 13. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4102        |
| 14. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4212        |
| 15. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4222        |
| 16. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7410        |
| 17. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4620        |
| 18. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4633        |
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi;<br>- Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng;<br>- Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp;<br>- Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp;<br>- Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế;<br>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;<br>- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;<br>- Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may; | 4659        |
| 20. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4933        |
| 21. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6619(Chính) |
| 22. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>- Tư vấn bất động sản<br>- Môi giới bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6820        |
| 23. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh)<br>- Cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5610        |

|     |                                                              |      |
|-----|--------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Bán buôn thực phẩm                                           | 4632 |
| 25. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan | 4661 |
| 26. | Phá dỡ                                                       | 4311 |
| 27. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                    | 8230 |
| 28. | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ                          | 2012 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy    | 5222 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: PHẠM ĐỨC ANH

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 25/10/1970

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 030070000011

Ngày cấp: 22/10/2013

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLOG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 28, ngách 360/5 đường La Thành, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 28, ngách 360/5 đường La Thành, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Ho và tên: PHAM ĐỨC ANH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 25/10/1970

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 030070000011

Ngày cấp: 22/10/2013

Nơi cấp: *Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 28, ngách 360/5 đường La Thành, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 28, ngách 360/5 đường La Thành, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội